

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2023/HC-PT

Ngày 28 - 4 - 2023

V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai và quyết định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh và ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 60/2023/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3274/2023/QĐPT-HC ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **ĐTT**, sinh năm 1943; địa chỉ: thôn T, xã P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **HTH**, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn T, xã P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **ĐGD** - Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình.

2.2 Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Thái Bình và Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình: Ông **NVD** - Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Thái Bình và Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình: Ông PĐT1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Bình. (có mặt)

2.3 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LVH1 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình (Văn bản ủy quyền số 275/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông NTS - Phó Giám đốc và ông ĐQN - Trưởng phòng nghiệp vụ Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông HTC, sinh năm 1972; ông HHQ, sinh năm 1974; anh HNA, sinh năm 1993 và chị HNA1, sinh năm 2001. (đều vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông Q, anh A, chị A1: Bà HTH, sinh năm 1971. (có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn T, xã P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà ĐTT và người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày và yêu cầu như sau:

Chồng bà T là ông HVD1 được Nhà nước giao 1.110m² đất nông nghiệp tại xã P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Ông HVD1 chết ngày 23/12/2019 (Bố mẹ ông D1 đã chết từ lâu). Vợ chồng bà sinh được 03 người con là ông HND2, ông HTC và ông HHQ. Ông Dân chết ngày 10/02/2008 (chết trước ông D1). Ông Dân có 02 con là anh HNA và chị HNA1. Ngoài ra, ông D1, ông D2 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m² đất thuộc địa giới hành chính xã P và phường K, thành phố Thái Bình. Ông HVD1 bị thu hồi 623m² đất nông nghiệp tại thửa 568 tờ bản đồ số 01 tại thôn T, xã P, thành phố Thái Bình. Căn cứ Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình, ông D1 được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 124.109.800đồng.

Theo Thông báo số 221/TB-PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất, bà được biết UBND thành phố Thái Bình thu hồi đất của ông D1 để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội (dự án Khu đô thị Thương mại, dịch vụ xã P). Ông D1 đã bàn giao diện tích đất thu hồi cho UBND thành phố Thái Bình và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Sau một thời gian bà thấy UBND thành phố Thái Bình lại giao diện tích đất thu hồi của ông D1 và các hộ dân khác

trong cùng dự án đó cho Công ty L (viết tắt là Công ty L) để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình, trong khi tại Danh mục các công trình dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình (ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình), dự án tại xã P, thành phố Thái Bình là “Dự án khu đô thị, thương mại dịch vụ”. Quá trình thực hiện, Công ty Thăng Long đã thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án mà Công ty Thăng Long thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, quá trình thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư, UBND thành phố Thái Bình áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau để chi trả cho các hộ dân, có hộ được bồi thường 69 triệu đồng/sào, có hộ được bồi thường 110 triệu đồng/sào, 130 triệu đồng/sào, có 42 hộ được bồi thường 175 triệu đồng/sào. Gia đình bà nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tương đương 69.000.000 đồng/sào. Bà thấy việc áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau là trái với nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, không đảm bảo sự công bằng giữa các hộ dân trong cùng dự án.

Ngày 13/12/2019 và ngày 28/5/2020, bà cùng các hộ dân đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, nội dung khiếu nại các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (viết tắt là BT, HT, GPMB) dự án xây dựng Khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình đã ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn T (trong đó có bà T), nội dung không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên nội dung các Quyết định đó.

Ngày 21/10/2020, bà cùng các hộ dân tại thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình. 200 hộ dân đã ủy quyền cho 05 công dân tại xã P tham gia quá trình giải quyết khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà HTT1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình (trong đó có hộ bà T), nội dung giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình.

Bà cho rằng các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà và người có đất bị thu hồi. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố Thái Bình lại thu hồi đất và bồi thường cho gia đình bà theo giá Nhà nước quy định, không có sự thỏa thuận giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định pháp luật.

Bà không có ý kiến gì về việc thu hồi đất nhưng do việc BT, HT, GPMB không công bằng nên bà yêu cầu UBND thành phố Thái Bình nâng mức bồi thường cho gia đình bà để đảm bảo sự công bằng giữa các hộ. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình;

Hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình giải quyết khiếu nại của bà HTT1, bà ĐTB (M), ông HHH2, bà HTT2 đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình (lần đầu);

Hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà HTT1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình trình bày:

Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB:

Dự án Khu dân cư xã P, thành phố Thái Bình được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố Thái Bình, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty L. Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015, phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt tại các quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-

UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19ha; đất công trình giáo dục 0,43ha; đất công trình thể thao 0,38ha; đất dịch vụ thương mại 0,98ha; đất nhà ở liền kề 11,41ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9ha; đất đầu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36ha; đất giao thông 12,73ha. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã P có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án không thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB nên UBND thành phố Thái Bình đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB (trong đó có hộ gia đình ông HVD1) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình phối hợp với UBND xã P, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi hợp để triển khai công tác GPMB dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về GPMB.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình đã lập phương án BT, HT, GPMB, phối hợp với UBND xã P, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố Thái Bình đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB liên quan đến hộ ông HVD1.

Về lập phương án BT, HT, GPMB:

Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố Thái Bình đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã P lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình; Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng TN&MT thành phố Thái Bình, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ ông D1) là đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 và Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã P thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt. Như vậy, việc bà T (vợ ông D1) cho rằng phương án BT, HT, GPMB của dự án khu dân cư mới xã P không công bằng là không có cơ sở.

Về sự khác biệt tên dự án: Tại số thứ tự 154 Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ TN&MT về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Bình (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 29/3/2013), tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã P, thành phố Thái Bình, tổng diện tích 31ha, trong đó đất trồng lúa 25,7ha. Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư P, thành phố Thái Bình, dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31ha.

Về thực chất **Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã P** hay **Khu dân cư P** đều là một dự án **Khu dân cư mới xã P**; vì dự án có cùng một vị trí, địa điểm, cùng một diện tích; tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư P, thành phố Thái Bình.

Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình:

Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc của Thanh tra thành phố Thái Bình ngày 11/6/2020, bà HTT1 cùng 04 hộ dân đại diện cho một số hộ dân thôn K, thôn T, xã P khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số

1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình.

Ngày 03/7/2020, UBND thành phố Thái Bình có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà HTT1 cùng một số công dân thôn K và thôn T, xã P; Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình giải quyết khiếu nại.

Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà HTT1 và một số công dân thôn K, thôn T, xã P. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà HTT1 và một số công dân thôn K, thôn T, xã P; trong đó: kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình và UBND thành phố Thái Bình khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án Khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai):

Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch

UBND thành phố Thái Bình là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai):

Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở TN&MT xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai).

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai):

Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở TN&MT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà HTT1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thấy: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã P, thành phố Thái Bình của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình bà ĐTT (vợ ông HVD1) và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là có cơ sở. Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà ĐTT về việc:

Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình;

Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình giải quyết khiếu nại của bà HTT1, bà ĐTB (M), ông HHH2, bà HTT2 đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình (lần đầu);

Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà HTT1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/10/2022, người khởi kiện bà ĐTT có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ĐTT giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Trịnh Thị San, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của bà ĐTT, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 15/10/2022, người khởi kiện bà ĐTT nhận được Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Ngày 25/10/2022, bà T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Đơn kháng cáo của bà T gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người khởi kiện bà ĐTT và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông C, ông Q, anh A và chị A1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã ủy quyền cho bà Hạnh tham gia tố tụng nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225

Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/02/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà HTT1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn T, xã P, thành phố Thái Bình (trong đó có hộ bà ĐTT), nội dung giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình. Ngày 02/8/2021, bà T nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Như vậy việc khởi kiện của bà T còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà ĐTT, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt Phương án BT, HT, GPMB:

[2.1.1] Về thẩm quyền:

Dự án Khu dân cư xã P, thành phố Thái Bình được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; ngày 09/12/2015 được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã P thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Do khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của xã P và đất của hộ gia đình cá nhân, UBND tỉnh Thái Bình đã ủy quyền cho UBND thành phố Thái Bình quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố Thái Bình ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông HVD1 và Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó, UBND thành phố Thái Bình, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã P ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương

án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố thẩm định.

Ngày 01/12/2016, UBND thành phố Thái Bình đã ban hành Quyết định số 13521/QĐ-UBND về việc thu hồi 555,7m² đất (loại đất LUC) của hộ gia đình ông HVD1 thuộc thửa đất số 568 tờ bản đồ địa chính số 01, thuộc địa giới hành chính xã P, thành phố Thái Bình. Hộ gia đình ông D1 không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất. Cùng ngày UBND thành phố Thái Bình đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB để thực hiện dự án. Theo phương án BT, HT, GPMB thì hộ ông HVD1 ở số thứ tự số 56, diện tích bị thu hồi theo hiện trạng của gia đình ông D1 là 555,7m², diện tích được bồi thường là 623m², với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 124.109.800đồng gồm các khoản:

Bồi thường về đất: 26.166.000đồng (đất trồng cây hàng năm 42.000đ/m², hệ số 1,0), phù hợp với quy định của Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2016. Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 39.249.000đồng, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 84 Luật Đất đai; Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định một số chính sách BT, HT và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 4.140.000đồng, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai; khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 14 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình. Bồi thường, hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu 2.222.800 đồng, phù hợp với Công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để GPMB và Điều 90 Luật Đất đai năm 2013. Hỗ trợ khác: 52.332.000đồng, phù hợp Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình.

Sau khi phương án BT, HT, GPMB được UBND thành phố Thái Bình phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Phương án, công khai mức BT, HT; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án BT, HT tới các hộ gia đình, cá nhân. Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB của UBND thành phố, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình đã phối hợp với UBND xã P tổ chức thực hiện việc chi trả tiền BT, HT, GPMB cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố

phê duyệt. Ông D1 đã ký nhận 124.109.800 đồng (Danh sách chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ).

Như vậy, UBND thành phố Thái Bình đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo đúng chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông D1 theo quy định tại khoản 3 Điều 69 và các Điều 74, 75, 77, 83, 84, 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về BT, HT, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, Công văn của UBND tỉnh Thái Bình như đã phân tích nêu trên.

Việc bà T cho rằng trường hợp này bà được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án là không có căn cứ, vì: Dự án Khu dân cư mới xã P là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố Thái Bình thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty Thăng Long (Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã P). Đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất bị thu hồi theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 như trình bày của bà T.

Bà T còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng, nhưng bà T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã P, thành phố Thái Bình đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố Thái Bình áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như bà T trình bày. Việc BT, HT đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình

[2.2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:

Để giải quyết khiếu nại của bà T do bà HTT1 và một số công dân xã P đại diện; Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với người đại diện của bà T. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại

hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Trong quá trình giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình còn vi phạm về thời hạn giải quyết theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng vi phạm này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3272/QĐ-UBND.

[2.2.2] Về nội dung: Như đã phân tích tại mục [2.2.1] nêu trên, Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có hộ bà ĐTT) là hợp pháp và có căn cứ.

[2.3.] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình:

[2.3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thụ lý khiếu nại (lần hai) của bà ĐTT, đã giao Sở TN&MT tỉnh Thái Bình xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

[2.3.2] Về nội dung: Như đã phân tích tại mục [2.3.1] nêu trên, Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình là hợp pháp và có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà ĐTT là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên cần bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà ĐTT là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, vì vậy cần miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Bác kháng cáo của bà ĐTT. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

[2] Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà ĐTT.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh